

Bản án số: **15/2026/HS-PT**
Ngày: 28/01/2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Lê Thị Thanh Thái

Các Thẩm phán: bà Nguyễn Thị Thủy Tiên và bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh

- Thư ký phiên tòa: ông Trần Việt Quốc – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: ông Trần Văn Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng – Cơ sở 1, xét xử công khai, phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 298/2025/TLPT-HS, ngày 04 tháng 12 năm 2025 do Bản án hình sự sơ thẩm số 54/2025/HS-ST, ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 15 – Lâm Đồng bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2025/QĐXXPT-HS, ngày 16 tháng 01 năm 2025, đối với bị cáo có kháng cáo:

Lê Đăng Đ, sinh ngày: 12/10/1980, tại tỉnh Bình Thuận (nay là tỉnh Lâm Đồng); nơi thường trú: Thôn B, xã S, huyện H, tỉnh Bình Thuận (nay là Thôn B, xã S, tỉnh Lâm Đồng); nơi ở hiện nay: Thôn B, xã S, huyện H, tỉnh Bình Thuận (nay là Thôn B, xã S, tỉnh Lâm Đồng); nghề nghiệp: tài xế; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê P (đã chết) và bà Trần Thị H; có vợ là bà Trần Thị L, bị cáo có 05 người con; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: ngày 07/01/2022, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt bị cáo 06 tháng tù về tội “Vi phạm quy định về khai tác tài nguyên”, chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 06/11/2022, theo Giấy chứng nhận số 43/GCN, ngày 06/11/2022 của Cơ quan Thi hành án hình sự Công an tỉnh B.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

- Bị hại: ông Nguyễn Đình M (chết).

- Người đại diện hợp pháp của bị hại: có kháng cáo

1. Bà Hồ Thị Thiên N, sinh năm: 1971; địa chỉ: thôn B, xã S, tỉnh Lâm Đồng.

2. Bà Nguyễn Thị Kim N1, sinh năm: 1997; địa chỉ: Thôn T, xã S, tỉnh Lâm Đồng.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Ngọc H1, sinh năm: 1966; địa chỉ: Thôn A, xã S, tỉnh Lâm

Đồng.

2. Ông Nguyễn Thành C, sinh năm: 1953; địa chỉ: Tổ dân phố D T, phường L, tỉnh Lâm Đồng.

Tại phiên tòa có mặt bị cáo Lê Đăng Đ; bà Hồ Thị Thiên N và Nguyễn Thị Kim N1 có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Đăng Đ có giấy phép lái xe ô tô hạng C do Sở Giao thông vận tải tỉnh B cấp ngày 11/3/2024, đang còn giá trị sử dụng. Khoảng 06 giờ 30 phút, ngày 08/11/2024, Đ điều khiển xe ô tô mang biển số 86C-180.87 lưu thông trên đường T theo hướng từ xã S, huyện H, tỉnh Bình Thuận đi xã T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận. Khi đến ngã ba giao nhau giữa đường T và đường N thuộc thôn M, xã T, thị xã L, có đèn tín hiệu giao thông, Đ khai thấy đèn xanh đang sáng nên điều khiển xe chạy vào trong giao lộ, nhìn thấy có xe mô tô di chuyển phía trước bên phải cùng chiều nhưng không giảm tốc độ mà điều khiển xe ô tô vượt qua nên đã va chạm với xe mô tô mang biển số 86B5-234.91 do ông Nguyễn Đình M điều khiển, làm ông M té ngã xuống đường tử vong tại chỗ, đồng thời xe mô tô mang biển số 86B5-234.91 tiếp tục va chạm với xe mô tô mang biển số 86F9-2993 kéo theo xe lùi phía sau do ông Nguyễn Thành C điều khiển vượt đèn đỏ chạy từ đường N ra đường T. Lê Đăng Đ khai không biết tai nạn xảy ra nên đã điều khiển xe đi đến huyện H, tỉnh Bình Thuận để bỏ cây giống, đến khoảng 08 giờ 30 phút cùng ngày, mới được nghe báo có liên quan đến vụ tai nạn nên điều khiển xe về trình báo hợp tác giải quyết.

Tờ sơ đồ hiện trường và biên bản khám nghiệm hiện trường do Công an thị xã L, tỉnh Bình Thuận lập lúc 07 giờ 20 phút ngày 08/11/2024, thể hiện như sau:

Hiện trường đã bị xáo trộn do các phương tiện đi lại, vụ tai nạn giao thông là tại đoạn đường T gần ngã ba giao nhau giữa đường T và đường N thuộc thôn M, xã T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận nằm trong khu vực đông dân cư, tại giao lộ có đèn tín hiệu chỉ dẫn giao thông, mặt đường bằng bê tông nhựa phẳng rộng 8m chia thành hai làn đường, có dải phân cách bằng vạch kẻ đường sơn màu vàng, nét rời chia hai chiều đường lưu thông ngược chiều nhau.

Chọn lề đường bên phải hướng xã S đi xã T (nay là phường P) làm hướng chuẩn khám nghiệm. Phần đường bên phải theo hướng chuẩn khám nghiệm có bề rộng là 4m, ghi nhận các dấu vết sau:

Vị trí số 1: vết xước, kích thước (0,9 x 0,02)m, nằm trên mặt đường nhựa, có chiều hướng theo hướng chuẩn khám nghiệm, đầu vết xước đo vào lề chuẩn là 1,9m. Cuối vết xước đo vào lề chuẩn là 1,75m. Đầu vết xước đo tới điểm mốc là 8m.

Vị trí số 2: vết xước, kích thước (0,4 x 0,01)m, nằm trên mặt đường nhựa, có chiều hướng theo hướng chuẩn khám nghiệm. Đầu vết xước đo vào lề chuẩn là 1,8m. Cuối vết xước đo vào lề chuẩn là 1,7m. Đầu vết xước 1 đo tới đầu vết xước 2 (theo hướng từ giữa đường đo vào lề chuẩn) là 0,1m.

Vị trí số 3: vết cày, kích thước (0,07 x 0,03)m, trên mặt đường nhựa. Từ vết cày đo vào lề chuẩn là 1,05m. Từ đầu vết xước 2 đo tới đầu vết cày theo hướng từ giữa đường đo vào lề chuẩn là 0,85m.

Vị trí số 4: vết xước không liên tục, kích thước (4,6 x 0,03)m, trên mặt đường nhựa. Có chiều hướng theo hướng chuẩn khám nghiệm, chéch từ giữa làn đường bên phải (của hướng chuẩn) vào lề chuẩn. Từ đầu vết xước đo vào lề chuẩn là 1,85m. Cuối vết xước đo vào lề chuẩn là 0,35m. Từ đầu vết xước 1 đo tới đầu vết xước 4 theo hướng chuẩn khám nghiệm là 1,06m.

Vị trí số 5: vị trí nạn nhân nằm ngửa trên mặt đường nhựa. Đầu hướng về hướng đi phường P, chân hướng về hướng đi xã S. Từ đỉnh đầu nạn nhân đo vào lề chuẩn là 2,1m. Điểm giữa hai gót chân đo vào lề chuẩn là 2,9m. Từ đầu vết xước 4 đo tới đỉnh đầu nạn nhân theo hướng chuẩn khám nghiệm là 2,6m, tại vị trí nạn nhân nằm trên mặt đường nhựa có đọng một vũng chất màu nâu đỏ (nghi máu), kích thước (1,6 x 1)m.

Vị trí số 6: xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius màu sơn đỏ - đen, biển số 86B5-234.91 nằm ngã nghiêng bên trái đè lên lề chuẩn, đầu xe hướng về lề đường đối diện lề chuẩn, đuôi xe hướng về lề chuẩn, 2/3 xe (từ giữa thân lên đầu xe) nằm trên mặt đường nhựa. Từ tâm trục bánh xe trước đo vào lề chuẩn là 0,9m, 1/3 xe (từ phần thân dưới đuôi xe) nằm trong vỉa hè. Từ tâm trục bánh xe sau đo ra tới lề chuẩn là 0,2m. Từ đỉnh đầu nạn nhân đo tới tâm trục trước bánh xe mô tô biển số 86B5-234.91 là 1,6m.

Kết quả dựng lại hiện trường ghi nhận như sau:

Căn cứ tài liệu thu thập được (dữ liệu camera thu thập tại hiện trường, lời khai của bị can, người có liên quan), ghi nhận:

Xe mô tô biển số 86F9-2993 ngã nghiêng bên trái, đầu xe hướng về hướng đi phường P, đuôi xe hướng về hướng đi xã S. Chiều dài từ đầu xe mô tô đến cuối xe lỏi đo được là 4,1m, rộng 1,2m. Xe lỏi nằm trên lề chuẩn. T bánh xe bên trái của xe lỏi đo vào lề chuẩn là 0,65m. T bánh xe bên phải của xe lỏi đo ra lề chuẩn là 0,55m.

Xe mô tô biển số 86F9-2993 nằm ngã nghiêng bên trái, trên mặt đường nhựa. T trục bánh xe sau đo tới lề chuẩn là 0,15m. T trục bánh xe trước đo tới lề chuẩn là 0,15m. T trục bánh xe đo tới điểm mốc là 6,25m (vị trí số 7).

Bị cáo Lê Đăng Đ thực hiện điều khiển xe ô tô biển số 86C-180.87 đi theo hướng xã S đi phường P, tới giao lộ Tôn Đức T1 – Nguyễn D (theo lời khai của Đ và dữ liệu camera hiện trường) xác định: T bánh xe sau bên phải đo tới lề chuẩn là 2,6m. T bánh xe trước bên phải đo tới lề chuẩn là 2,7m. T bánh xe trước, bên trái đo tới lề chuẩn là 4,9m (điểm A trong sơ đồ dựng lại hiện trường).

Tiếp tục di chuyển theo hướng đi phường P tới vị trí số 5 (vị trí nạn nhân) bánh xe sau của xe ô tô đè lên vị trí số 5, điểm giữa hai chân nạn nhân. Từ tâm bánh xe sau bên phải đo tới lề chuẩn là 2,5m. T bánh xe trước, bên phải đo tới lề chuẩn là 2,6m (điểm B trong sơ đồ dựng lại hiện trường).

Kết quả khám nghiệm hiện trường ghi nhận các dấu vết xe mô tô biển số 86B5-234.91 sau tai nạn gồm: Đầu cao su tay lái bên trái bị gãy, kích thước (3 x 2)cm; đầu

tay lái ngoài bên trái có vết mài mòn, kích thước (2,5 x 2,5)cm; ống phuộc nhún trước phía dưới bên trái có vết hàn đen, kích thước (6,5 x 3)cm. Kỹ thuật phương tiện: phanh trước, sau còn tác dụng, lốp trước còn 40%, lốp sau còn 75%.

Kết quả khám nghiệm phương tiện ghi nhận các dấu vết xe ô tô biển số 86C-180.87 sau tai nạn gồm: Trên cản bảo vệ mặt bên phải phía dưới, cách mặt đất 63cm có vết hàn dính chất màu đỏ, kích thước (64 x 0,1)cm; tại giá đỡ cản bảo vệ phía dưới, phía sau bên phải có vết hàn, kích thước (10 x 0,5)cm. Kỹ thuật phương tiện: hệ thống đèn, phanh còn tác dụng.

Tại bản Kết luận giám định tử thi số 08 ngày 25 tháng 12 năm 2024, của Trung tâm Giám định Y khoa - Pháp y tỉnh B, đối với nguyên nhân tử vong của ông M, thể hiện: mảng xây xát da không liên tục vùng ngực phải, gãy kín cung trước xương sườn IV đến XII bên phải. Gãy kín phức tạp xương cánh tay phải. Vết thương phức tạp vùng bẹn hố chậu trái; gãy phức tạp toàn bộ khung chậu. Kết quả xét nghiệm, giám định khác: xét nghiệm độc chất, chất ma túy trong máu: có sự hiện diện của C1 (Chất kích thích thần kinh trung ương yếu). Xét nghiệm nồng độ cồn (Ethanol) trong máu: 6,68 mg/100ml. Kết luận nguyên nhân chết: mất máu cấp; suy tuần hoàn cấp do đứt động mạch bẹn trái dẫn đến tử vong.

Kết quả giám định an toàn kỹ thuật ngày 17 tháng 01 năm 2025 của Phòng K Công an tỉnh B và Bản kết luận giám định số: 34/KL-KTHS về giám định an toàn kỹ thuật xe ô tô biển số 86C-180.87, xe mô tô biển số 86B5-234.91 và xe mô tô biển số 86F9-2993 (cùng xe lôi kéo theo) xác định tại thời điểm giám định: xe ô tô biển số 86C-180.87: hệ thống lái thuộc lái trợ lực lắp đặt đầy đủ, đúng vị trí kỹ thuật, không phát hiện hư hỏng. Hệ thống lái hoạt động bình thường, đảm bảo chuyển hướng theo ý muốn của người điều khiển; Hệ thống phanh chính thuộc loại phanh khí nén có hỗ trợ lắp đặt đầy đủ, đúng vị trí kỹ thuật, không phát hiện hư hỏng. Hệ thống phanh tay (phanh đỗ) có các cụm chi tiết lắp đặt đúng vị trí, kỹ thuật, không phát hiện hư hỏng. Hiện tại hệ thống phanh chính và phanh đỗ của xe ô tô biển số 86C-180.87 hoạt động bình thường; đèn chiếu sáng, đèn tín hiệu phía trước và phía sau, bên phải và bên trái, đồng hồ báo hiệu, còi lắp đặt đầy đủ, không phát hiện hư hỏng, còn hoạt động bình thường; các hệ thống: động cơ, treo, ly hợp, hộp số, truyền lực các đăng, vi sai, bán trục, bàn đạp ga, cần số của xe ô tô biển số 86C-180.87 được lắp đặt đầy đủ, đúng vị trí kỹ thuật, không phát hiện hư hỏng, còn hoạt động bình thường. Xe mô tô biển số 86B5-234.91: hệ thống phanh bánh trước và bánh sau lắp đặt đầy đủ, không phát hiện hư hỏng, còn hiệu lực phanh; các hệ thống đèn chiếu sáng, đèn tín hiệu được lắp đặt đầy đủ, đúng vị trí kỹ thuật, không phát hiện hư hỏng, còn hoạt động; hệ thống lái lắp đặt đầy đủ, không phát hiện hư hỏng, còn hiệu lực lái. Xe mô tô biển số 86F9-2993 (cùng xe lôi kéo theo): hệ thống phanh bánh trước và bánh sau lắp đặt đầy đủ, không phát hiện hư hỏng, còn hiệu lực phanh; các hệ thống đèn chiếu sáng, đèn tín hiệu được lắp đặt đầy đủ, đúng vị trí kỹ thuật, không phát hiện hư hỏng, còn hoạt động; Hệ thống lái lắp đặt đầy đủ, không phát hiện hư hỏng, còn hiệu lực lái.

Kết quả giám định tốc độ của phương tiện, vị trí va chạm, chiều hướng va chạm ngày 31 tháng 01 năm 2025 của Phòng K (PC09) ra Bản kết luận giám định số 92/KL-KTHS, xác định: tại thời điểm giám định không xác định được tốc độ của xe ô tô biển số 86C-180.87, xe mô tô biển số 86B5-234.91 và xe mô tô biển số 86F9-2993 ngay

tại thời điểm xảy ra tai nạn. Vị trí va chạm giữa xe ô tô biển số 86C-180.87 và xe mô tô biển số 86B5-234.91 ở phần đường bên phải, theo hướng xã S - H đi thôn T, xã T - L; vị trí va chạm giữa xe mô tô biển số 86B5-234.91 và xe mô tô biển số 86F9-2993 ở phần đường bên phải, theo hướng xã S - H đi thôn T, xã T - L; xe ô tô biển số 86C-180.87 và xe mô tô biển số 86F9-2993 không va chạm với nhau. Chiều hướng va chạm của xe ô tô biển số 86C-180.87 là từ trước ra sau; chiều hướng va chạm của xe mô tô biển số 86B5-234.91 là từ sau ra trước; chiều hướng va chạm của xe mô tô biển số 86F9-2993 là từ sau ra trước.

Tại bản kết luận giám định bổ sung số 295 ngày 18/4/2025 của phòng K Công an tỉnh B kết luận về dấu vết va chạm của xe ô tô biển số 86C-180.87 với xe mô tô biển số 86B5-234.91 như sau: dấu vết va chạm trên xe ô tô biển số 86C-180.87: trượt xước, mất bụi cao su mặt ngoài gai lốp và mặt lăn lốp bánh xe ngoài trục sau bên phải, chiều từ ngoài vào tâm trục, ngược chiều quay tiến hành bánh xe phù hợp với dấu vết va chạm trên xe mô tô biển số 86B5-234.91; trượt xước nhựa bám dính chất màu đen mặt ngoài đuôi chắn bùn bánh sau và mặt mâm ca biển số chiều từ sau ra trước, từ trên xuống dưới. Dấu vết va chạm của xe mô tô biển số 86B5-234.91 với xe mô tô biển số 86F9-2993 kéo theo xe lùi như sau: trượt xước, mất bụi cao su má lốp bên phải lốp bánh xe trước, chiều từ ngoài vào tâm trục, phù hợp với dấu vết va chạm trên xe mô tô biển số 86F9-2993; trượt bám dính chất màu đen mặt ngoài đầu dưới giảm xóc trước bên trái, chiều từ sau ra trước.

Kết luận giám định giấy phép lái xe: tại bản kết luận giám định số 267/KL-KTHS ngày 25/8/2025 của phòng K (PC09) Công an tỉnh L, kết luận: Giấy phép lái xe hạng C của bị cáo Lê Đăng Đ là thật.

Vật chứng vụ án: quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tạm giữ các phương tiện gồm: Xe ô tô biển số 86C-180.87 cùng giấy đăng ký xe ô tô; xe mô tô biển số 86B5-234.91; xe mô tô biển số 86F9-2993 kéo theo xe lùi và giấy phép lái xe hạng C của bị cáo Lê Đăng Đ.

Kết quả xác minh xác định xe mô tô biển số 86F9-2993 (cùng xe lùi kéo theo) là tài sản thuộc sở hữu của ông Nguyễn Thành C. Xe mô tô biển số 86B5-234.91 thuộc sở hữu của ông Nguyễn Đình M. Xe ô tô biển số 86C-180.87 thuộc quyền sở hữu của ông Nguyễn Ngọc H1. Vào ngày 08/11/2025, Đ mượn phương tiện trên của ông H1 để vận chuyển cây giống thì xảy ra tai nạn.

Ngày 24/01/2025 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã L, tỉnh Bình Thuận ra Quyết định xử lý tài sản, đồ vật, tài liệu số 150A, trả lại xe ô tô biển số 86C-180.87 cho ông Nguyễn Ngọc H1.

Ngày 03/09/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh L ra Quyết định xử lý vật chứng số 02840, trả lại xe mô tô biển số 86B5-234.91 cho đại diện gia đình ông Nguyễn Đình M.

Đối với xe mô tô biển số 86F9-2993 kéo theo xe lùi của ông Nguyễn Thành C, tiếp tục tạm giữ để đảm bảo việc thi hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 54/2025/HS-ST, ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 15 – Lâm Đồng đã quyết định:

Tuyên bố: bị cáo Lê Đăng Đ phạm tội: “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

Áp dụng: quy định tại điểm a khoản 1 Điều 260, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Lê Đăng Đ: 01 (một) năm tù, thời gian chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt thi hành án.

Áp dụng: Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, trả lại cho bị cáo Lê Đăng Đ 01 giấy phép lái xe hạng C số 79008902392, do Sở Giao thông vận tải tỉnh B (cũ) cấp ngày 11/3/2024.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 03 tháng 11 năm 2025, bị cáo Lê Đăng Đ, đại diện bị hại bà Hồ Thị Thiên N và bà Nguyễn Thị N1 kháng cáo xin cho bị cáo Lê Đăng Đ hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, xin hưởng án treo.

- Ý kiến của Kiểm sát viên: Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên phạt mức hình phạt 01 năm tù là phù hợp. Bị cáo, đại diện bị hại kháng cáo cung cấp tài liệu bổ sung gồm đơn bãi nại của đại diện bị hại, giấy xác nhận hoàn cảnh khó khăn và bị cáo tự nguyện hỗ trợ thêm cho đại diện bị hại 20.000.000 đồng. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ mới của bị cáo, chấp nhận kháng cáo của bị cáo và đại diện bị hại, áp dụng Điều 36 Bộ luật hình sự chuyển sang hình phạt cải tạo không giam giữ. Giao cho chính quyền địa phương quản lý theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: đơn kháng cáo của bị cáo và đại diện hợp pháp của bị hại làm trong hạn luật định và được xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Tại đơn kháng cáo và tại phiên tòa, bị cáo và đại diện hợp pháp cho bị hại giữ nguyên kháng cáo xin hưởng án treo. Do vậy Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét yêu cầu xin hưởng án treo của bị cáo và đại diện bị hại.

[2.1] Tại Tòa bị cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với lời khai của bị cáo, với các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở để kết luận: vào khoảng 06 giờ 30 phút, ngày 08/11/2024, khi điều khiển xe ô tô mang biển số 86C-180.87 di chuyển trên đường T theo hướng từ xã S đi xã T (nay là phường P) đến ngã ba giao nhau có đèn tín hiệu điều khiển giao thông với đường N, bị cáo Đ đã không chủ động giảm tốc độ, giữ khoảng cách an toàn đối với xe chạy liền trước xe của mình, mà điều khiển xe ô tô mang biển số 86C-180.87 vượt lên gây tai nạn với xe mô tô mang biển số 86B5-234.91 do ông Nguyễn Đình M điều khiển di chuyển cùng chiều với hướng di chuyển của xe ô tô do bị cáo điều khiển, hậu quả làm ông M tử vong tại chỗ.

Hành vi không giảm tốc độ khi qua nơi đường bộ giao nhau cùng mức, không giữ khoảng cách an toàn đối với xe chạy liền trước xe của mình và không được vượt xe nơi đường giao nhau của bị cáo đã vi phạm khoản 3 Điều 5 Thông tư số 31/2019/TT-BGTVT, 29 tháng 8 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ G và vi phạm khoản 1 Điều 12, điểm d khoản 5 Điều 14 Luật Giao thông đường Bộ gây ra hậu quả làm chết người. Án sơ thẩm áp dụng điểm a khoản 1 Điều 260 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo về tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*” là có căn cứ. Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ hình phạt nên Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo 01 năm tù.

[2.2] Sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo và đại diện hợp pháp của bị hại kháng cáo xin cho bị cáo được hưởng án treo.

Xét kháng cáo của bị cáo và đại diện hợp pháp của bị hại, Hội đồng xét xử thấy rằng: quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm bị cáo cung cấp thêm giấy xác nhận hoàn cảnh khó khăn có xác nhận của chính quyền địa phương, đơn bail nại của đại diện bị hại tha thiết xin cho bị cáo được hưởng án treo và bị cáo đã tự nguyện hỗ trợ thêm cho gia đình bị hại số tiền 20.000.000 đồng. Đây là các tình tiết giảm nhẹ mới được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo thực hiện tội phạm với lỗi vô ý, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và không có tình tiết tăng nặng; bị cáo có cơ ngơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo và chỉ cần áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ cũng đủ răn đe giáo dục bị cáo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa và cũng không gây nguy hiểm cho xã hội; không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

Do vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, điểm d khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự và áp dụng Điều 36 Bộ luật hình sự, chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa phần hình phạt. Xử phạt bị cáo Lê Đăng Đ hình phạt cải tạo không giam giữ và giao bị cáo cho UBND nơi thường trú giám sát, giáo dục như ý kiến của Kiểm sát viên là phù hợp.

[3] Đối với hình phạt cải tạo không giam giữ theo quy định pháp luật phải khấu trừ thu nhập của bị cáo. Xét thấy, bị cáo hiện nay có hoàn cảnh khó khăn, phải nuôi 05 con nhỏ và nuôi mẹ già, bị cáo là lao động chính trong gia đình, bị cáo không có thu nhập ổn định nên hội đồng xét xử không khấu trừ thu nhập của bị cáo.

[4] Về án phí phúc thẩm: do kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo, đại diện hợp pháp của bị hại không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm d khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự.

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Đăng Đ và đại diện hợp pháp của bị hại Hồ Thị Thiên N, Nguyễn Thị Kim N1. Sửa phần hình phạt đối với bị cáo Lê Đăng Đ

tại Bản án hình sự sơ thẩm số 54/2025/HS-ST, ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 15 – Lâm Đồng.

1. *Áp dụng*: điểm a khoản 1 Điều 260, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 50 và Điều 36 của Bộ luật hình sự.

2. *Tuyên bố*: bị cáo Lê Đăng Đ phạm tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*”.

3. *Xử phạt*: bị cáo Lê Đăng Đ **01** (một) năm cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ được tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã S, tỉnh Lâm Đồng nhận được quyết định thi hành án và bản sao Bản án hình sự phúc thẩm số 15/2026/HS-PT, ngày 28 tháng 01 năm 2026 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

Miễn khấu trừ thu nhập của bị cáo.

Giao bị cáo Lê Đăng Đ cho Ủy ban nhân dân xã S, tỉnh Lâm Đồng là nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ.

4. *Về án phí hình sự phúc thẩm*: căn cứ Điều 135 và Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Lê Đăng Đ, đại diện bị hại bà Hồ Thị Thiên N, Nguyễn Thị Kim N1 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

5. Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 54/2025/HS-ST, ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 15 – Lâm Đồng không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 28/01/2026).

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKS khu vực 15;
- Tòa án khu vực 15;
- PV06 - Công an tỉnh Lâm Đồng;
- Lưu: hồ sơ, Tổ HCTP, Tòa hình sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thanh Thái